

PHÁP L NH

C A U BAN TH NG V QU C H I S 08/2003/PL-UBTVQH11 NGÀY 25 THÁNG 02 N M 2003 V TR NG TÀI TH NG M I

góp ph n gi i quy t các v tranh ch p phát sinh trong ho t ng th ng m i, b o m quy n t do kinh doanh, b o v quy n, l i ích h p pháp c a các bên, phát tri n n n kinh t th tr ng nh h ng xã h i ch ngh a;

C n c vào Hi n pháp n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam n m 1992 ã c s a i, b sung theo Ngh quy t s 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 n m 2001 c a Qu c h i khoá X, k h p th 10;

C n c vào Ngh quy t s 12/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 n m 2002 c a Qu c h i khoá XI, k h p th 2 v Ch ng trình xây d ng lu t, pháp l nh c a Qu c h i nhi m k khoá XI (2002-2007) và n m 2003;

Pháp l nh này quy nh v Tr ng tài th ng m i.

CH NG I NH NG QUY NH CHUNG

i u 1. Phạm vi i u ch nh

Pháp l nh này quy nh v t ch c và t t ng tr ng tài gi i quy t các v tranh ch p phát sinh trong ho t ng th ng m i theo s tho thu n c a các bên.

i u 2. Gi i thích t ng

Trong Pháp l nh này, các t ng d i ây c hi u nh sau:

1. *Tr ng tài* là ph ng th c gi i quy t tranh ch p phát sinh trong ho t ng th ng m i c các bên th a thu n và c ti n hành theo trình t , th t c t t ng do Pháp l nh này quy nh.

2. *Tho thu n tr ng tài* là tho thu n gi a các bên cam k t gi i quy t b ng tr ng tài các v tranh ch p có th phát sinh ho c ã phát sinh trong ho t ng th ng m i.

3. *Ho t ng th ng m i* là vi c th c hi n m t hay nhi u hành vi th ng m i c a cá nhân, t ch c kinh doanh bao g m mua bán hàng hoá, cung ng d ch v ; phân ph i; i di n, i lý th ng m i; ký g i; thuê, cho thuê; thuê mua; xây d ng; t v n; k thu t; li - x ng; u t ; tài chính, ngân hàng; b o hi m; th m đồ, khai thác; v n chuy n hàng hoá, hành khách b ng ng hàng không, ng bi n, ng s t, ng b và các hành vi th ng m i khác theo quy nh c a pháp lu t.

4. *Tranh ch p có y u t n c ngoài* là tranh ch p phát sinh trong ho t ng th ng m i mà m t bên ho c các bên là ng i n c ngoài, pháp nhân n c ngoài tham gia ho c

c n c xác l p, thay i, ch m d t quan h có tranh ch p phát sinh n c ngoài ho c tài s n liên quan n tranh ch p ó n c ngoài.

5. *Tr ng tài viên* là ng i có các i u ki n quy nh t i i u 12 c a Pháp l nh này, c các bên ch n ho c Trung tâm Tr ng tài ho c Tòa án có th m quy n ch nh gi i quy t v tranh ch p.

6. *Nh ng ng i thân thích* là nh ng ng i thu c ba hàng th a k theo quy nh c a B lu t dân s .

7. *S ki n b t kh kháng* là s ki n x y ra m t cách khách quan không th l ng tr c c và không th kh c ph c c m c dù ã áp d ng m i bi n pháp c n thi t mà kh n ng cho phép.

i u 3. Nguyên t c gi i quy t tranh ch p b ng tr ng tài

1. Tranh ch p c gi i quy t b ng tr ng tài, n u tr c ho c sau khi x y ra tranh ch p các bên có tho thu n tr ng tài.

2. Khi gi i quy t tranh ch p, Tr ng tài viên ph i c l p, khách quan, vô t , ph i c n c vào pháp lu t và tôn tr ng tho thu n c a các bên.

i u 4. Hình th c gi i quy t tranh ch p b ng tr ng tài

Tranh ch p gi a các bên c gi i quy t t i H i ng Tr ng tài do Trung tâm Tr ng tài t ch c ho c t i H i ng Tr ng tài do các bên thành l p theo quy nh c a Pháp l nh này.

H i ng Tr ng tài g m ba Tr ng tài viên ho c Tr ng tài viên duy nh t do các bên tho thu n.

i u 5. Th m quy n gi i quy t v tranh ch p trong tr ng h p có tho thu n tr ng tài

Trong tr ng h p v tranh ch p ã có tho thu n tr ng tài, n u m t bên kh i ki n t i Tòa án thì Tòa án ph i t ch i th lý, tr tr ng h p tho thu n tr ng tài vô hi u.

i u 6. Hi u l c c a quy t nh tr ng tài

Quy t nh tr ng tài là chung th m, các bên ph i thi hành, tr tr ng h p Tòa án hu quy t nh tr ng tài theo quy nh c a Pháp l nh này.

i u 7. Nguyên t c áp d ng pháp lu t gi i quy t v tranh ch p

1. i v i v tranh ch p gi a các bên Vi t Nam, H i ng Tr ng tài áp d ng pháp lu t c a Vi t Nam gi i quy t tranh ch p.

2. i v i v tranh ch p có y u t n c ngoài, H i ng Tr ng tài áp d ng pháp lu t do các bên l a ch n. Vi c l a ch n pháp lu t n c ngoài và vi c áp d ng pháp lu t n c ngoài không c trái v i các nguyên t c c b n c a pháp lu t Vi t Nam.

Trong trường hợp các bên không lựa chọn các pháp luật gì quy định tranh chấp thì Hội đồng Trọng tài quy định.

Điều 8. Áp dụng điều luật

Trong trường hợp điều luật mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp luật này thì áp dụng quy định của điều luật đó.

CHƯƠNG II THA THU N TR NG TÀI

Điều 9. Hình thức tho thu n tr ng tài

1. Tho thu n tr ng tài phải lập bằng văn bản. Tho thu n tr ng tài thông qua thư, điện báo, telex, fax, điện tử hoặc hình thức văn bản khác thì nội dung chính của các bên ghi quy định tranh chấp bằng văn bản thì coi là tho thu n tr ng tài bằng văn bản.

2. Tho thu n tr ng tài có thể là điều khoản trong hợp đồng hoặc làm thỏa thuận riêng.

Điều 10. Tho thu n tr ng tài vô hiệu

Tha thu n tr ng tài vô hiệu trong những trường hợp sau đây:

1. Tranh chấp phát sinh không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng Trọng tài của Pháp luật này;
2. Người ký tho thu n tr ng tài không có thẩm quyền ký kết theo quy định của pháp luật;
3. Một bên ký kết tho thu n tr ng tài không có năng lực hành vi dân sự;
4. Tho thu n tr ng tài không quy định hoặc quy định không rõ nội dung tranh chấp, thẩm quyền giải quyết tranh chấp mà sau đó các bên không có tho thu n bổ sung;
5. Tho thu n tr ng tài không lập theo quy định của Điều 9 của Pháp luật này;
6. Bên ký kết tho thu n tr ng tài bị lừa dối,胁迫 và có yêu cầu tuyên bố tho thu n tr ng tài vô hiệu; thì hiệu lực yêu cầu tuyên bố tho thu n tr ng tài vô hiệu là sáu tháng, kể từ ngày ký kết tho thu n tr ng tài, nhưng phải trừ đi ngày Hội đồng Trọng tài mở phiên họp đầu tiên ghi quy định tranh chấp quy định của Điều 30 của Pháp luật này.

Điều 11. Quan hệ giữa điều khoản tho thu n tr ng tài với hợp đồng

Điều khoản tho thu n tr ng tài không phải là điều khoản phụ thuộc. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, sửa đổi hoặc chấm dứt hợp đồng không ảnh hưởng đến hiệu lực của điều khoản tho thu n tr ng tài.

CHƯƠNG III TRUNG TÂM TRƯNG TÀI VIÊN

ĐIỀU 12. Trưng tài viên

1. Công dân Việt Nam có các điều kiện sau đây có thể làm Trưng tài viên:

- a) Có năng lực hành vi dân sự;
- b) Có phẩm chất tốt, trung thực, vô tư, khách quan;
- c) Có bằng cấp và đã qua thực tập công tác theo ngành nghề cần tuyển lên.

2. Người đang bị quản chế hành chính, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa xóa án tích không được làm Trưng tài viên.

3. Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, Chấp hành viên, công chức đang công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án không được làm Trưng tài viên.

ĐIỀU 13. Quy định, nghĩa vụ của Trưng tài viên

1. Trưng tài viên có các quy định sau đây:

- a) Chấp nhận hoặc chỉ ghi ý quy tắc tranh chấp;
- b) Giữ im lặng trong việc ghi ý quy tắc tranh chấp;
- c) Thông báo cung cấp các thông tin liên quan đến vụ tranh chấp;
- d) Giữ gìn thù lao.

2. Trưng tài viên có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ các quy định của Pháp luật này;
- b) Vô tư, khách quan trong việc ghi ý quy tắc tranh chấp;
- c) Thông chỉ ghi ý quy tắc tranh chấp trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 của Pháp luật này;
- d) Giữ bí mật nội dung vụ tranh chấp mà mình ghi ý quy tắc;
- e) Không nhận hối lộ hoặc có hành vi khác vi phạm pháp luật Trưng tài viên.

CHƯƠNG IV TRUNG TÂM TRƯNG TÀI

ĐIỀU 14. Điều kiện thành lập Trung tâm Trưng tài

1. Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, Trung tâm Trưng tài được thành lập tại một số địa phương theo quy định của Chính phủ.

2. Khi có ít nhất năm sáng lập viên có đủ điều kiện làm Trưởng tài viên theo quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này thì Tổng Hội Luật gia Việt Nam giới thiệu, Ban trưởng Ban Pháp xét, quy định các quy định thành lập Trung tâm Trưởng tài.

3. Hội đồng thành lập Trung tâm Trưởng tài gồm có các nội dung sau đây:

- a) Đơn xin phép thành lập Trung tâm Trưởng tài;
- b) Họ và tên, địa chỉ, nghề nghiệp của các sáng lập viên;
- c) Điều lệ của Trung tâm Trưởng tài;
- d) Văn bản giới thiệu của Hội Luật gia Việt Nam.

4. Đơn xin phép thành lập Trung tâm Trưởng tài gồm có các nội dung sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm viết đơn;
- b) Họ và tên, địa chỉ, nghề nghiệp của các sáng lập viên;
- c) Lĩnh vực hoạt động của Trung tâm Trưởng tài;
- d) Địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm Trưởng tài.

5. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban trưởng Ban Pháp xét các quy định thành lập Trung tâm Trưởng tài và phê chuẩn điều lệ của Trung tâm Trưởng tài; trong trường hợp từ chối, phải trình lý do.

6. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy phép thành lập, Trung tâm Trưởng tài phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Sở Tư pháp), nơi Trung tâm Trưởng tài đặt trụ sở. Kể từ thời hạn này mà Trung tâm Trưởng tài không đăng ký thì giấy phép bị thu hồi.

Chính quy trình thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm Trưởng tài.

Điều 15. Đăng báo về việc thành lập Trung tâm Trưởng tài

1. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày các quy định đăng ký hoạt động, Trung tâm Trưởng tài phải đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc báo địa phương nơi đăng ký hoạt động trong ba số liên tiếp về nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở của Trung tâm Trưởng tài;
- b) Lĩnh vực hoạt động của Trung tâm Trưởng tài;
- c) Số Giấy đăng ký hoạt động, cơ quan cấp, ngày, tháng, năm cấp;
- d) Thời điểm bắt đầu hoạt động của Trung tâm Trưởng tài.

2. Trung tâm Trưởng tài phải niêm yết tại trụ sở những nội dung quy định tại khoản 1 Điều này và danh sách Trưởng tài viên của Trung tâm Trưởng tài.

Điều 16. Cơ cấu pháp lý và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Trưởng tài

1. Trung tâm Trưởng tài là tổ chức phi chính phủ, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Trung tâm Trưởng tài có lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Trung tâm.

3. Trung tâm Tr ng tài có Ban i u hành và các Tr ng tài viên.

Ban i u hành Trung tâm Tr ng tài g m có Ch t ch, m t ho c các Phó ch t ch, có th có T ng Th ký do Ch t ch Trung tâm Tr ng tài c .

Nh ng ng i c Trung tâm Tr ng tài m i làm Tr ng tài viên ph i có i u ki n quy nh t i i u 12 c a Pháp l nh này.

i u 17. Nhi m v , quy n h n c a Trung tâm Tr ng tài

Trung tâm Tr ng tài có nh ng nhi m v , quy n h n sau ây:

1. Xây d ng i u l và Quy t c t t ng c a Trung tâm Tr ng tài, nh ng không c trái v i nh ng quy nh c a Pháp l nh này;

2. M i nh ng ng i có i u ki n quy nh t i i u 12 c a Pháp l nh này làm Tr ng tài viên c a Trung tâm;

3. Ch nh Tr ng tài viên thành l p H i ng Tr ng tài theo quy nh c a Pháp l nh này;

4. Cung c p các d ch v hành chính, v n phòng cho các H i ng Tr ng tài gi i quy t các v tranh ch p;

5. Thu phí tr ng tài, tr thù lao cho Tr ng tài viên theo i u l c a Trung tâm Tr ng tài;

6. T ch c rút kinh nghi m, b i d ng nâng cao trình và k n ng gi i quy t tranh ch p c a Tr ng tài viên;

7. Báo cáo nh k ho t ng c a Trung tâm Tr ng tài v i B T pháp, H i Lu t gia Vi t Nam và S T pháp n i Trung tâm Tr ng tài ng ký ho t ng;

8. Xóa tên Tr ng tài viên trong danh sách Tr ng tài viên c a Trung tâm Tr ng tài khi Tr ng tài viên vi ph m nghiêm tr ng các quy nh c a Pháp l nh này và i u l c a Trung tâm Tr ng tài;

9. L u tr h s , cung c p các b n sao quy t nh tr ng tài theo yêu c u c a các bên ho c c quan nhà n c có th m quy n;

10. Nhi m v , quy n h n khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 18. Ch m d t ho t ng c a Trung tâm Tr ng tài

1. Ho t ng c a Trung tâm Tr ng tài ch m d t trong các tr ng h p sau ây:

a) Các tr ng h p quy nh t i i u l c a Trung tâm Tr ng tài;

b) B thu h i Gi y phép thành l p Trung tâm Tr ng tài.

2. Khi ch m d t ho t ng, Trung tâm Tr ng tài ph i n p l i Gi y phép thành l p Trung tâm Tr ng tài cho c quan ã c p gi y phép.

3. Chính ph quy nh v trình t , th t c ch m d t ho t ng c a Trung tâm Tr ng tài.

CHƯƠNG V TỔNG TRƯNG TÀI

Điều 19. Quy định về hình thức ghi quy trình tranh chấp ngân quỹ tài

Các bên có quy định về hình thức Trung tâm Trung tài hoặc Hội đồng Trung tài do các bên thành lập ghi quy trình tranh chấp theo quy định về tổng ngân quỹ tài của Pháp luật này.

Điều 20. Nguyên tắc

1. Ghi quy trình tranh chấp tại Trung tâm Trung tài, nguyên nhân phải làm nguyên tắc tại Trung tâm Trung tài.

Nguyên tắc tại Trung tâm Trung tài gồm có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm viết;
- b) Tên và địa chỉ của các bên;
- c) Tóm tắt nội dung vụ tranh chấp;
- d) Các yêu cầu của nguyên nhân;
- e) Trị giá tài sản mà nguyên nhân yêu cầu;
- f) Trung tài viên của Trung tâm Trung tài mà nguyên nhân chọn.

2. Ghi quy trình tranh chấp tại Hội đồng Trung tài do các bên thành lập, nguyên nhân phải làm nguyên tắc ghi cho bên; nội dung nguyên tắc theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Kèm theo nguyên tắc, nguyên nhân phải ghi bên chính hoặc bên sao tho thu ngân quỹ tài, bên chính hoặc bên sao các tài liệu, chứng cứ. Bên sao phải có chứng thực hợp lệ.

4. Tổng ngân quỹ tài bắt đầu khi Trung tâm Trung tài nhận được nguyên nhân hoặc tại thời điểm bên nhận được nguyên nhân, nếu vụ tranh chấp có ghi quy định tại Hội đồng Trung tài do các bên thành lập.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được nguyên nhân, Trung tâm Trung tài phải ghi cho bên bên sao nguyên nhân và ngân quỹ tài theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 21. Thời hạn khởi kiện ghi quy trình tranh chấp ngân quỹ tài

1. Nếu vụ tranh chấp mà pháp luật có quy định thời hạn khởi kiện thì thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Nếu vụ tranh chấp mà pháp luật không quy định thời hạn khởi kiện thì thời hạn khởi kiện ghi quy trình tranh chấp ngân quỹ tài là hai năm, kể từ ngày xảy ra tranh chấp, trừ trường hợp bất khả kháng. Thời gian không tính vào thời hạn khởi kiện kể từ ngày xảy ra sự kiện cho đến khi không còn sự kiện bất khả kháng.

đ i u 22. Phí tr ả ng tài

1. Nguyên ả n ph i n p t m ả ng phí tr ả ng tài, n u các bên không có th ả thu ả khác.
2. Trong tr ả ng h p gi i quy t v ả tranh ch p t i Trung tâm Tr ả ng tài thì Ban đ i u hành Trung tâm Tr ả ng tài ả nh phí tr ả ng tài theo đ i u l c ả Trung tâm.
3. Trong tr ả ng h p gi i quy t v ả tranh ch p t i H i ả ng Tr ả ng tài do các bên thành l p thì phí tr ả ng tài do H i ả ng Tr ả ng tài ả nh.
4. Bên thua ki n ph i ch u phí tr ả ng tài, tr ả tr ả ng h p các bên có th ả thu ả khác.

đ i u 23. ả i m t i n hành tr ả ng tài

Các bên có quy ả n th ả thu ả ả i m gi i quy t v ả tranh ch p; n u không có th ả thu ả thì H i ả ng Tr ả ng tài quy t ả nh, nh ả ng ph i b o ả m thu ả t i n cho các bên trong v i c gi i quy t.

đ i u 24. B ả n t ả b o v

1. đ i v i v ả tranh ch p mà các bên ả ch n Trung tâm Tr ả ng tài đ i gi i quy t, n u các bên không có th ả thu ả khác thì trong th i h n ba m đ i ngày, k t ả ngày nh n c n ki n và các tài li u kèm theo c ả nguyên ả n do Trung tâm Tr ả ng tài g i ả n, b ả n ph i g i cho Trung tâm Tr ả ng tài b ả n t ả b o v .

đ i v i v ả tranh ch p c gi i quy t t i H i ả ng Tr ả ng tài do các bên thành l p, n u không có th ả thu ả khác thì trong th i h n ba m đ i ngày, k t ả ngày nh n c n ki n c ả nguyên ả n và các tài li u kèm theo quy ả nh t i kho n 2 và kho n 3 đ i u 20 c ả Pháp l ả nh này, b ả n ph i g i cho nguyên ả n b ả n t ả b o v ả tên Tr ả ng tài viên mà mình ch n.

2. B ả n t ả b o v ph i g m có các n i dung ch y u sau ả y:

a) Ngày, tháng, n m v i t b ả n t ả b o v ;

b) Tên và ả ch c ả b ả n;

c) Lý l ả và ch ả ng c t ả b o v trong ó bao g m v i c ph n b ả c m t ph n ho c toàn b n i dung ả n ki n c ả nguyên ả n. Ngoài n i dung quy ả nh t i đ i m này, n u b ả n cho r ả ng v ả tranh ch p không thu c th m quy ả n gi i quy t c ả tr ả ng tài, không có th ả thu ả tr ả ng tài ho c th ả thu ả tr ả ng tài v o h i u thì có quy ả n nêu ra trong b ả n t ả b o v .

3. Theo yêu c u c ả b ả n, th i h n b ả n ph i g i b ả n t ả b o v kèm theo ch ả ng c có th đ ả i h n ba m đ i ngày, nh ả ng ph i tr c ngày H i ả ng Tr ả ng tài m phi ả n h p theo quy ả nh t i đ i u 30 c ả Pháp l ả nh này.

đ i u 25. Thành l p H i ả ng Tr ả ng tài t i Trung tâm Tr ả ng tài

1. Trong tr ả ng h p các bên không có th ả thu ả khác thì trong th i h n n m ngày làm v i c, k t ả ngày nh n c n ki n, Trung tâm Tr ả ng tài ph i g i cho b ả n b n sao n ki n, tên Tr ả ng tài viên mà nguyên ả n ch n và các tài li u kèm theo cùng v i danh sách Tr ả ng tài viên c ả Trung tâm Tr ả ng tài. N u các bên không có th ả thu ả khác thì

kết ngày nhậm chức yêu cầu, Chánh án Tòa án giao cho một Thẩm phán chỉ định Trừng tài viên theo yêu cầu của nguyên đơn và thông báo cho các bên.

3. Trong thời hạn một tháng, kết ngày hai Trừng tài viên được chọn hoặc Tòa án chỉ định, các Trừng tài viên này phải thông báo cho Trừng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trừng tài. Trong thời hạn này, nếu hai Trừng tài viên được chọn hoặc chỉ định không chọn Trừng tài viên thứ ba, các bên có quyền yêu cầu Tòa án cấp thẩm phán, nếu bên có trình hồ sơ chủ định Trừng tài viên thứ ba. Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kết ngày nhậm chức yêu cầu, Chánh án Tòa án giao cho một Thẩm phán chỉ định Trừng tài viên thứ ba làm Chủ tịch Hội đồng Trừng tài và thông báo cho các bên.

4. Trừng tài viên do các bên chọn hoặc do Tòa án chỉ định có thể là Trừng tài viên trong danh sách hoặc ngoài danh sách Trừng tài viên của các Trung tâm Trừng tài của Việt Nam.

5. Trong trường hợp các bên thỏa thuận vụ tranh chấp do Trừng tài viên duy nhất gì quy định, nhưng không chọn Trừng tài viên duy nhất thì theo yêu cầu của một bên, Chánh án Tòa án cấp thẩm phán nếu bên có trình hồ sơ chủ định giao cho một Thẩm phán chỉ định Trừng tài viên duy nhất cho các bên trong thời hạn một tháng, kết ngày nhậm chức yêu cầu và thông báo cho các bên.

Trừng tài viên duy nhất làm nhiệm vụ nhận xét Hội đồng Trừng tài. Quy định của Trừng tài viên duy nhất có hiệu lực thi hành như quy định của Hội đồng Trừng tài.

Điều 27. Thay thế Trừng tài viên

1. Trừng tài viên phải thích gì quy định vụ tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay thế Trừng tài viên gì quy định vụ tranh chấp trong các trường hợp sau đây:

a) Trừng tài viên là người thân thích của một bên hoặc đi nhận của bên đó;

b) Trừng tài viên có lợi ích trong vụ tranh chấp;

c) Có căn cứ rõ ràng cho thấy Trừng tài viên không vô tư, khách quan trong khi làm nhiệm vụ.

2. Trường hợp được chọn hoặc chỉ định và trong quá trình tiến hành Trừng tài, Trừng tài viên phải thông báo công khai và kịp thời những việc có thể gây nghi ngờ về tính khách quan, vô tư của mình.

3. Sau khi đã chọn Trừng tài viên, các bên mới phát hiện Trừng tài viên do mình chọn thụ thẩm phán trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì có quyền yêu cầu Trừng tài viên này thay thế gì quy định vụ tranh chấp.

4. Việc thay thế Trừng tài viên do các Trừng tài viên khác trong Hội đồng Trừng tài quy định. Trong trường hợp không quy định hoặc nếu hai Trừng tài viên hay Trừng tài viên duy nhất thích gì quy định vụ tranh chấp thì việc thay thế Trừng tài viên quy định như sau:

a) Nếu vụ tranh chấp do Trung tâm Trừng tài thích gì quy định thì Chủ tịch Trung tâm Trừng tài quy định;

b) **Điều 27.** Tranh chấp do Hội đồng Tài sản các bên thành lập ghi quyết định theo yêu cầu của nguyên đơn, Chánh án Tòa án cấp tỉnh nếu cần có thể chuyển hồ sơ giao cho một Thẩm phán xem xét quyết định. Quyết định của Tòa án là chung thẩm.

5. Trong quá trình tố tụng tài sản, nếu có Thẩm phán viên không thể tiếp tục tham gia thì việc thay thế Thẩm phán viên tuân theo Hội đồng Tài sản do Trung tâm Tài sản thành lập hay do các bên thành lập mà thực hiện theo quy định tại khoản 4 điều này.

6. Trong trường hợp cần thiết, sau khi tham khảo ý kiến của các bên, Hội đồng Tài sản làm thành lập có thể xem xét lại những vấn đề đã xem xét tại các phiên họp ghi quyết định tranh chấp trước.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung, rút ngắn kỳ hạn

Nguyên đơn có thể sửa đổi, bổ sung, rút ngắn kỳ hạn trước khi Hội đồng Tài sản ra quyết định tài sản.

Điều 29. Kỳ hạn làm việc

1. Bên có quyền kỳ hạn làm việc nguyên đơn và những người có liên quan yêu cầu của nguyên đơn.

2. Kỳ hạn làm việc phiên họp cho Hội đồng Tài sản, ngày tiếp theo phiên họp nguyên đơn trước ngày mở phiên họp của Hội đồng Tài sản ghi quyết định của nguyên đơn.

Nguyên đơn phải có mặt trực tiếp kỳ hạn làm việc trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được kỳ hạn làm việc. Bên trực tiếp phiên họp cho bên và Hội đồng Tài sản.

3. Thời gian kỳ hạn làm việc tiến hành như thời gian ghi quyết định của nguyên đơn và do Hội đồng Tài sản ghi quyết định cùng một lúc.

Điều 30. Xem xét tho thu nợ tài sản, thẩm quyền ghi quyết định tranh chấp của Hội đồng Tài sản

1. Trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp, nếu có người khiếu nại bên bị yêu cầu Hội đồng Tài sản không có thẩm quyền ghi quyết định tranh chấp; vụ tranh chấp không có tho thu nợ tài sản hoặc tho thu nợ tài sản vô hiệu, Hội đồng Tài sản phải xem xét, quyết định về việc có mặt của các bên, trường hợp các bên có yêu cầu khác. Bên khiếu nại đã chấp hành pháp luật mà vắng mặt không có lý do chính đáng thì coi là đã rút ngắn kỳ hạn làm việc. Hội đồng Tài sản tiếp tục xem xét ghi quyết định tranh chấp.

2. Trong trường hợp không đồng ý về quyết định của Hội đồng Tài sản về nội dung nêu tại khoản 1 điều này, trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của Hội đồng Tài sản, các bên có quyền yêu cầu Tòa án cấp tỉnh nếu Hội đồng Tài sản đã ra quyết định xem xét lại quyết định của Hội đồng Tài sản. Bên có yêu cầu phải thông báo việc này cho Hội đồng Tài sản.

Yêu cầu phải có nội dung chi tiết sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm viết đơn;
- b) Tên và địa chỉ của người viết đơn;

c) Nội dung yêu cầu.

Nội dung yêu cầu phải kèm theo các bản sao chính xác, tho thu n tr ng tài, quy t nh c a Hội đồng Tr ng tài. Các bản sao phải có chứng thực hợp lệ.

Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được nội dung yêu cầu, Chánh án Tòa án giao cho một Thẩm phán xem xét, ghi ý quy t nh yêu cầu. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao, Thẩm phán phải xem xét, quy t nh. Quy t nh c a Tòa án là chung thẩm.

Trong trường hợp Tòa án quy t nh về tranh chấp không thu c thẩm quyền c a Hội đồng Tr ng tài, về tranh chấp không có tho thu n tr ng tài hoặc tho thu n tr ng tài vô hiệu thì Hội đồng Tr ng tài ra quy t nh đình chỉ quy t v tranh chấp. Nếu không có tho thu n khác, các bên có quyền khởi kiện về tranh chấp ra Tòa án. Thời hiệu khởi kiện ra Tòa án theo quy định tại Điều 21 c a Pháp lệnh này, nhưng không tính thời gian từ ngày nguyên đơn khởi kiện tại Tr ng tài đến ngày Tòa án ra quy t nh quy định tại Điều này.

Đ i u 31. Nghiên cứu hồ sơ, xác minh sự việc

1. Sau khi được chọn hoặc được chỉ định, các Tr ng tài viên phải nghiên cứu hồ sơ; xác minh sự việc nêu trong vụ kiện.

2. Hội đồng Tr ng tài có quyền gặp các bên để nghe các bên trình bày ý kiến. Theo yêu cầu của một bên hoặc các bên hoặc theo sáng kiến c a mình, Hội đồng Tr ng tài có thể tìm hiểu sự việc tại chỗ, và nếu cần có mặt c a các bên hoặc sau khi đã thông báo cho các bên.

Đ i u 32. Thu thập chứng cứ

1. Các bên có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh sự việc mà mình nêu ra. Hội đồng Tr ng tài có quyền yêu cầu các bên cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ tranh chấp.

2. Trong trường hợp nêu trên, Hội đồng Tr ng tài có thể tự mình thu thập chứng cứ; mời giám định theo yêu cầu của một bên hoặc các bên và phải thông báo cho các bên biết. Bên yêu cầu giám định phải nộp tiền phí giám định, trường hợp các bên mời giám định thì cùng phải nộp tiền phí giám định.

Đ i u 33. Quy định yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Trong quá trình Hội đồng Tr ng tài ghi ý quy t v tranh chấp, nếu quy định và lợi ích hợp pháp c a mình bị xâm phạm hoặc có nguy cơ bị xâm phạm, thì các bên có quyền làm đơn xin Tòa án cấp tạm thời cho Hội đồng Tr ng tài thẩm lý về tranh chấp yêu cầu áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời sau đây:

1. Bảo toàn chứng cứ trong trường hợp chứng cứ đang bị tiêu hu hoặc có nguy cơ bị tiêu hu;

2. Kê biên tài sản tranh chấp;

3. Chuyển đổi tài sản tranh chấp;

4. C m thay i hi n tr ng tài s n tranh ch p;
5. Kê biên và niêm phong tài s n n i g i gi ;
6. Phong to tài kho n t i ngân hàng.

i u 34. Th t c áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i

1. Bên có yêu c u áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i quy nh t i i u 33 c a Pháp l nh này ph i làm n g i n Tòa án c p t nh n i H i ng Tr ng tài ã th lý v tranh ch p.

2. n yêu c u áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i ph i g i kèm theo b n sao n ki n có y n i dung theo quy nh t i i u 20 và b n sao tho thu n tr ng tài theo quy nh t i i u 9 c a Pháp l nh này. Các b n sao ph i có ch ng th c h p l .

Tu theo yêu c u áp d ng lo i bi n pháp kh n c p t m th i mà bên yêu c u ph i cung c p cho Tòa án b ng ch ng c th v các ch ng c c n c b o toàn, các ch ng c v vi c b n t u tán, c t gi u tài s n có th làm cho vi c thi hành quy t nh tr ng tài không th th c hi n c.

3. Bên yêu c u áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i ph i n p m t kho n t i n b o m do Tòa án n nh, nh ng không quá ngh a v tài s n mà ng i có ngh a v ph i th c hi n b o v l i ích c a b n và ng n ng a s l m d ng bi n pháp kh n c p t m th i t phía ng i có yêu c u. Các kho n t i n này c g i gi t i ngân hàng n i có tr s c a Tòa án quy t nh áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i.

4. Sau khi nh n c n yêu c u và nh ng tài li u theo quy nh t i các kho n 1, 2 và 3 i u này, Chánh án Tòa án c p t nh theo quy nh t i kho n 1 i u này giao cho m t Th m phán xem xét, gi i quy t n yêu c u. Trong th i h n n m ngày làm vi c, k t ngày c giao, Th m phán ph i ki m tra tính chính xác c a nh ng tài li u theo quy nh t i kho n 2 i u này, trong ph m vi yêu c u c a nguyên n, có th ra quy t nh áp d ng m t ho c m t s bi n pháp kh n c p t m th i quy nh t i i u 33 c a Pháp l nh này. Trong tr ng h p áp d ng m t ho c m t s bi n pháp quy nh t i các kho n 2, 3, 4, 5 và 6 i u 33 c a Pháp l nh này thì tài s n b áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i có giá tr không quá ngh a v tài s n mà ng i có ngh a v ph i th c hi n.

5. Quy t nh áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i ph i c g i ngay cho H i ng Tr ng tài, các bên tranh ch p và Vi n Ki m sát cùng c p.

Quy t nh áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i c thi hành ngay. Vi c thi hành quy t nh áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i theo quy nh c a pháp lu t v thi hành án dân s .

6. Trong th i h n ba ngày làm vi c, k t ngày nh n c quy t nh áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i, Vi n tr ng Vi n Ki m sát cùng c p có quy n ki n ngh , b n có quy n yêu c u Chánh án Tòa án ã ra quy t nh áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i xem xét, gi i quy t vi c thay i, hu b ho c gi nguyên các bi n pháp ó. Trong th i h n ba ngày làm vi c, k t ngày nh n c ki n ngh c a Vi n Ki m sát ho c yêu c u c a b n, Chánh án Tòa án ph i có quy t nh và tr l i cho Vi n Ki m sát ho c b n.

đ i u 35. Thay đ i ho c hu b b i n pháp kh n c p t m th i

Bên yêu c u áp d ng b i n pháp kh n c p t m th i có th làm đ n yêu c u thay đ i ho c hu b b i n pháp kh n c p t m th i khi không còn phù h p ho c không còn c n thi t.

Trong th i h n ba ngày làm vi c, k t ngày nh n đ c n yêu c u thay đ i ho c hu b b i n pháp kh n c p t m th i thì Chánh án Tòa án c p t nh n i ã ra quy t nh áp d ng b i n pháp kh n c p t m th i giao cho m t Th m phán xem xét, quy t nh thay đ i ho c hu b b i n pháp kh n c p t m th i. Quy t nh này ph i đ c g i ngay cho H i đ ng Tr ng tài, các bên tranh ch p và Vi n ki m sát cùng c p.

Trong tr ng h p hu b b i n pháp kh n c p t m th i, Th m phán ph i xem xét quy t nh đ i yêu c u áp d ng b i n pháp kh n c p t m th i nh n l i s t i n b o m quy nh t i kho n 3 đ i u 34 c a Pháp l nh này, tr tr ng h p quy nh t i đ i u 36 c a Pháp l nh này.

đ i u 36. Trách nhi m c a bên yêu c u áp d ng b i n pháp kh n c p t m th i

Bên yêu c p áp d ng b i n pháp kh n c p t m th i ph i ch u trách nhi m v yêu c u c a mình.

Trong tr ng h p bên yêu c u áp d ng b i n pháp kh n c p t m th i không đ úng và gây thi t h i cho bên kia, cho ng đ i th ba thì ph i b i th ng.

đ i u 37. Hoà gi i

1. Trong quá trình t t ng tr ng tài, các bên có th t hoà gi i. Trong tr ng h p hoà gi i thành thì theo yêu c u c a các bên, H i đ ng Tr ng tài s ình ch t t ng.

2. Các bên có th yêu c u H i đ ng Tr ng tài t i n hành hoà gi i. Trong tr ng h p hoà gi i thành thì các bên có th yêu c u H i đ ng Tr ng tài l p biên b n hoà gi i thành và ra quy t nh công nh n hoà gi i thành. Biên b n hoà gi i thành ph i đ c các bên và các Tr ng tài viên ký. Quy t nh công nh n hoà gi i thành c a H i đ ng Tr ng tài là chung th m và đ c thi hành theo quy nh t i đ i u 57 c a Pháp l nh này.

đ i u 38. Phiên h p gi i quy t v tranh ch p

1. Th i gian m phiên h p gi i quy t v tranh ch p do Ch t ch H i đ ng Tr ng tài quy t nh, n u các bên không có tho thu n khác.

2. Gi y tri u t p các bên tham đ phiên h p gi i quy t v tranh ch p ph i g i cho các bên ch m nh t ba m i ngày tr c ngày m phiên h p, n u các bên không có tho thu n khác.

3. Phiên h p gi i quy t v tranh ch p không công khai. Trong tr ng h p có s đ ng ý c a các bên, H i đ ng Tr ng tài có th cho phép nh ng ng đ i khác tham đ phiên h p.

Điều 39. Tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp

Các bên có thẩm quyền cấp học vụ quy định cho người đi dự tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp. Các bên có quy định nhân chứng, luật sư bào chữa quy định và lợi ích hợp pháp của mình.

Điều 40. Việc vắng mặt của các bên

1. Nguyên nhân của việc tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà không tham dự phiên họp không có lý do chính đáng hoặc bỏ phiên họp mà không có Hội đồng Trường tài trợ ý thì coi là đã rút quyền. Trong trường hợp này, Hội đồng Trường tài trợ giải quyết tranh chấp nêu yêu cầu học vụ có quyền lợi theo quy định của Điều 29 của Pháp lệnh này.

Bên nào của việc tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà không tham dự phiên họp không có lý do chính đáng hoặc bỏ phiên họp mà không có Hội đồng Trường tài trợ ý thì Hội đồng Trường tài trợ viên nhân hành giải quyết tranh chấp cần vào tài liệu và chứng cứ hiện có.

2. Trong trường hợp các bên yêu cầu, Hội đồng Trường tài trợ có thể cần vào hồ sơ giải quyết tranh chấp mà không cần các bên có mặt.

Điều 41. Hoàn phiên họp giải quyết tranh chấp

1. Trường hợp có lý do chính đáng, các bên có thể yêu cầu Hội đồng Trường tài trợ hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp.

2. Hội đồng Trường tài trợ hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp nêu xét thấy cần thiết giải quyết tranh chấp.

Điều 42. Nguyên tắc ra quyết định trường tài trợ

Quyết định trường tài trợ của Hội đồng Trường tài trợ căn cứ theo nguyên tắc sau, trường hợp vắng tranh chấp do Trường tài trợ viên duy nhất giải quyết. Ý kiến của thí sinh ghi vào biên bản phiên họp.

Điều 43. Biên bản phiên họp giải quyết tranh chấp

1. Biên bản phiên họp giải quyết tranh chấp do Hội đồng Trường tài trợ lập, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Trường tài trợ.

2. Các bên có quy định tìm hiểu nội dung biên bản, yêu cầu sửa chữa, bổ sung biên bản. Trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu sửa chữa, bổ sung của các bên, Hội đồng Trường tài trợ ghi vào biên bản.

Điều 44. Quyết định trường tài trợ

1. Quyết định trường tài trợ phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Ngày, tháng, năm và địa điểm ra quy định tranh chấp; trong trường hợp vị trí ghi quy định tranh chấp do Trung tâm Tranh chấp tài chính thì quy định tranh chấp phải có tên Trung tâm Tranh chấp;

b) Tên, địa chỉ của nguyên đơn và bị đơn;

c) Họ, tên các Tranh chấp viên hoặc Tranh chấp viên duy nhất;

d) Tóm tắt nội kiện và các vấn đề tranh chấp;

e) Các sự kiện ra quy định tranh chấp;

f) Quy định về việc tranh chấp; quy định về phí tranh chấp và các chi phí khác;

g) Thời hạn thi hành quy định tranh chấp;

h) Chức vụ của các Tranh chấp viên hoặc Tranh chấp viên duy nhất.

2. Trường hợp có Tranh chấp viên không ký vào quy định tranh chấp, Chủ tịch Hội đồng Tranh chấp phải ghi vị trí này trong quy định tranh chấp và nêu rõ lý do.

3. Các bên có quyền yêu cầu Hội đồng Tranh chấp không áp dụng các vấn đề tranh chấp, các sự kiện ra quy định tranh chấp vào quy định tranh chấp.

4. Quy định tranh chấp có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Điều 45. Công bố quy định tranh chấp

1. Quy định tranh chấp có thể được công bố ngay tại phiên họp cuối cùng hoặc sau đó, nhưng chậm nhất là sáu mươi ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp cuối cùng. Toàn văn quy định tranh chấp phải được gửi cho các bên ngay sau ngày công bố.

2. Theo yêu cầu của các bên, Trung tâm Tranh chấp hoặc Hội đồng Tranh chấp do các bên thành lập có thể cho bên có yêu cầu bản sao quy định tranh chấp.

Điều 46. Sự chấp thuận quy định tranh chấp

1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quy định tranh chấp, một bên có thể yêu cầu Hội đồng Tranh chấp chấp thuận hoặc từ chối tính toán, liên minh, liên đới hoặc liên đới khác. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu, Hội đồng Tranh chấp tiến hành chấp thuận và phải thông báo cho bên kia.

2. Quy định chấp thuận là một phần của quy định tranh chấp và phải được Hội đồng Tranh chấp ký.

Điều 47. Hình thức ghi quy định tranh chấp

Hội đồng Tranh chấp hình thức ghi quy định tranh chấp trong các trường hợp sau đây:

1. Nguyên đơn rút kiện hoặc coi là đã rút kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 40 của Pháp lệnh này, trường hợp bên yêu cầu tiếp tục ghi quy định tranh chấp;

2. Các bên tho thu nhận một vị trí ghi quy định tranh chấp.

đ i u 48. L u tr h s tr ng tài

1. i v i vi c gi i quy t v tranh ch p do Trung tâm Tr ng tài t ch c, h s , quy t nh tr ng tài, biên b n hoà gi i c l u tr t i Trung tâm Tr ng tài.
2. i v i vi c gi i quy t v tranh ch p t i H i ng Tr ng tài do các bên thành l p, trong th i h n m i l m ngày, k t ngày công b quy t nh tr ng tài ho c biên b n hoà gi i, H i ng Tr ng tài ph i gi i quy t nh tr ng tài, biên b n hoà gi i kèm theo h s gi i quy t v tranh ch p cho Toà án c p t nh n i H i ng Tr ng tài ra quy t nh tr ng tài ho c l p biên b n hoà gi i l u tr .

đ i u 49. Gi i quy t v tranh ch p có y u t n c ngoài b ng tr ng tài

1. V tranh ch p có y u t n c ngoài theo tho thu n c a các bên, có th gi i quy t t i H i ng Tr ng tài do Trung tâm Tr ng tài t ch c ho c t i H i ng Tr ng tài do các bên thành l p theo quy nh c a Pháp l nh này.
2. H i ng Tr ng tài do Trung tâm Tr ng tài t ch c ho c H i ng Tr ng tài do các bên thành l p c áp đ ng các quy t c t t ng khác, n u các bên có tho thu n.
3. Tr ng tài viên do các bên ch n ho c do Toà án ch nh có th là Tr ng tài viên có tên trong danh sách ho c ngoài danh sách Tr ng tài viên c a các Trung tâm Tr ng tài c a Vi t Nam ho c là Tr ng tài viên n c ngoài theo quy nh c a pháp lu t v tr ng tài n c ó.
4. Trong tr ng h p m t bên ho c các bên yêu c u Toà án n c ngoài ch nh Tr ng tài viên thì Toà án có th m quy n ch nh Tr ng tài viên là Toà án c xác nh theo quy nh c a pháp lu t n c ó.
5. Các bên có quy n tho thu n l a ch n pháp lu t theo quy nh t i kho n 2 đ i u 7 c a Pháp l nh này, t p quán th ng m i qu c t gi i quy t v tranh ch p.
6. Các bên có quy n tho thu n a i m gi i quy t v tranh ch p t i Vi t Nam ho c t i n c ngoài; n u không tho thu n c thì H i ng Tr ng tài quy t nh, nh ng ph i b o m thu n ti n cho các bên trong vi c gi i quy t.
7. Các bên có quy n tho thu n v s đ ng ngôn ng trong t t ng tr ng tài, n u các bên không có tho thu n thì ngôn ng dùng trong t t ng tr ng tài là ti ng Vi t.

CH NG VI HU QUY T NH TR NG TÀI, THI HÀNH QUY T NH TR NG TÀI

đ i u 50. Quy n yêu c u hu quy t nh tr ng tài

Trong th i h n ba m i ngày, k t ngày nh n c quy t nh tr ng tài, n u có bên không ng ý v i quy t nh tr ng tài thì có quy n làm n g i Toà án c p t nh n i H i ng Tr ng tài ra quy t nh tr ng tài, yêu c u hu quy t nh tr ng tài.

Tr ng h p g i n quá h n vì có s ki n b t kh kháng thì th i gian có s ki n b t kh kháng không tính vào th i h n yêu c u hu quy t nh tr ng tài.

Điểm 51. Yêu cầu hu quy t nh tr ng tài

1. Yêu cầu hu quy t nh tr ng tài phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Ngày, tháng, năm viết;
- b) Tên và địa chỉ của bên có yêu cầu hu quy t nh tr ng tài;
- c) Lý do yêu cầu hu quy t nh tr ng tài.

2. Kèm theo yêu cầu phải có các giấy tờ sau đây:

- a) Bản chính hoặc bản sao quy t nh tr ng tài đã có chứng thực công chứng;
- b) Bản chính hoặc bản sao thu n tr ng tài đã có chứng thực công chứng.

3. Giấy tờ kèm theo yêu cầu bắt buộc tính ngoài phải có dấu của Văn phòng và bản chứng thực công chứng.

Điểm 52. Thủ tục

1. Sau khi nhận các giấy tờ quy định tại điểm 51 của Pháp lệnh này, Tòa án thông báo ngay cho bên yêu cầu phải chấp hành.

Tòa án thủ tục ngay bên có yêu cầu chấp hành.

2. Tòa án có quyền yêu cầu bên nộp ngân sách thích hợp chi trả chi phí trong yêu cầu hu quy t nh tr ng tài.

Điểm 53. Tòa án xét yêu cầu hu quy t nh tr ng tài

1. Sau khi thủ tục yêu cầu hu quy t nh tr ng tài, Tòa án phải thông báo cho Trung tâm Tr ng tài hoặc Hội đồng Tr ng tài do các bên thành lập, các bên tranh chấp và Văn phòng kiểm sát cùng cấp. Trong trường hợp vụ tranh chấp do Trung tâm Tr ng tài thực hiện quy định thì trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án, Trung tâm Tr ng tài phải chuyển hồ sơ cho Tòa án.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thủ tục, Chánh án Tòa án chỉ định Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán, trong đó có một Thẩm phán làm chủ tọa và phải mời phiên tòa xét yêu cầu hu quy t nh tr ng tài.

Tòa án phải chuyển hồ sơ cho Văn phòng kiểm sát cùng cấp trong thời hạn bảy ngày làm việc, trừ trường hợp phiên tòa.

3. Phiên tòa công khai hành vi sẽ có mặt của các bên tranh chấp, luật sư của các bên (nếu có), Kiểm sát viên Văn phòng kiểm sát cùng cấp. Trường hợp mặt trong các bên yêu cầu Tòa án xét hủy ng m t hoặc đã có trình tự pháp lý mà hủy ng m t không có lý do chính đáng hoặc bị phiên họp mà không có Hội đồng xét xử đồng ý thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét yêu cầu hu quy t nh tr ng tài.

4. Khi xét yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét nội dung vụ tranh chấp mà chỉ kiểm tra giấy tờ theo quy định tại điểm 51 của Pháp lệnh này, chỉ yêu cầu hu quy t nh tr ng tài và nghị quyết tại điểm 54 của Pháp lệnh này ra quy định.

5. Sau khi xem xét bản, ghi ý kiến kèm theo, chấp hành (nếu có), nghe ý kiến của những người có liên quan, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thông luận và quyết định theo thẩm quyền.

Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định hủy hoặc không hủy quyết định tạm giam; đình chỉ việc xét xử yêu cầu, nhưng trong những yêu cầu hủy quyết định tạm giam rút bản hoặc bản có liên quan phải mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc bị phiên họp mà không có Hội đồng xét xử đồng ý.

Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày ra quyết định, Tòa án phải gửi bản sao quyết định cho các bên, Trung tâm Trợ giúp pháp nhân và Hội đồng Trợ giúp pháp nhân do các bên thành lập và Viện kiểm sát cùng cấp.

6. Trong trường hợp Hội đồng xét xử hủy quyết định tạm giam, nếu không có tho thu thuận khác thì các bên có quyền vắng tranh chấp ở phiên họp tại Tòa án.

7. Trong trường hợp Hội đồng xét xử không hủy quyết định tạm giam thì quyết định tạm giam vẫn thi hành theo quy định tại Điều 57 của Pháp lệnh này.

ĐIỀU 54. Quyền hủy quyết định tạm giam

Toà án ra quyết định hủy quyết định tạm giam nếu bên yêu cầu chứng minh được rằng Hội đồng Trợ giúp pháp nhân đã ra quyết định tạm giam thiếu cơ sở trong các trường hợp sau đây:

1. Không có tho thu thuận tạm giam;
2. Tho thu thuận tạm giam vô hiệu theo quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này;
3. Thành phần Hội đồng Trợ giúp pháp nhân, tất cả các thành viên không phù hợp với tho thu thuận của các bên theo quy định của Pháp lệnh này;
4. Vắng tranh chấp không thực hiện quy định của Hội đồng Trợ giúp pháp nhân; trong trường hợp quyết định tạm giam có mặt phần không thực hiện quy định của Hội đồng Trợ giúp pháp nhân thì phần quyết định này bị hủy;
5. Bên yêu cầu chứng minh được trong quá trình ghi quyết định vắng tranh chấp có Thành viên viên phạm nghiêm trọng vi phạm của Thành viên quy định tại khoản 2 Điều 13 của Pháp lệnh này;
6. Quyết định tạm giam trái với lợi ích công cộng của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 55. Kháng cáo, kháng nghị quyết định của Tòa án

1. Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày Tòa án ra quyết định theo quy định tại Điều 53 của Pháp lệnh này, các bên có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có quyền kháng nghị quyết định của Tòa án. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là một tháng, của Viện kiểm sát nhân dân tối cao là ba tháng, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người kháng cáo, quyết định kháng nghị phải nêu rõ lý do và yêu cầu của kháng cáo, kháng nghị. Người kháng cáo, quyết định kháng nghị gửi cho Tòa án đã ra quyết định.

Sau khi nhận được kháng cáo, Tòa án thông báo ngay cho bên kháng cáo nộp lệ phí kháng cáo.

2. Trong trường hợp có bên không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm thì thẩm phán kháng cáo quy định khoản 1 Điều này có tính từ ngày bắt đầu quy định của giao cho bên vắng mặt; nếu kháng cáo quá hạn vì có sự kiện bất khả kháng, thì thẩm phán có tính từ ngày không còn sự kiện bất khả kháng.

Trong thẩm phán mỗi ngày, kể từ ngày nhận được quy định kháng nghị hoặc nhận kháng cáo và nghị kháng cáo nộp lệ phí kháng cáo, Tòa án đưa quy định nghị chuyển hồ sơ lên Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 56. Xét kháng cáo, kháng nghị

1. Trong thẩm phán ba ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ kháng cáo hoặc quy định kháng nghị, Tòa án nhân dân tối cao phải phiên tòa xem xét, quy định. Nếu cần phải yêu cầu nghị kháng cáo, kháng nghị gì thích nghi nội dung kháng cáo, kháng nghị thì thẩm phán phiên tòa có kéo dài thêm nhưng không quá sáu ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ kháng cáo, kháng nghị.

Toà án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp trong thẩm phán bảy ngày làm việc trực ngày phiên tòa.

2. Thành phần Hội nghị xét kháng cáo, kháng nghị gồm ba Thẩm phán, trong đó có một Thẩm phán làm chủ tọa do Tòa án nhân dân tối cao chọn.

Phiên tòa có tiến hành vắng có mặt của các bên tranh chấp, luật sư của các bên (nếu có), Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp.

Trong trường hợp bên không kháng cáo yêu cầu Tòa án xử vắng mặt hoặc đã có triệu tập phải mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc bị phiên họp mà không có Hội nghị xét xử nghị thì Hội nghị xét xử vắng mặt tiến hành xét xử.

Sau khi xem xét kháng cáo, quy định kháng nghị, tài liệu kèm theo, chứng cứ (nếu có), nghe ý kiến của các bên có triệu tập, của Kiểm sát viên, Hội nghị xét xử thảo luận và quy định theo đó.

Hội nghị xét xử có quy định nguyên, sự phạm tội hoặc toàn bộ quy định của Tòa án cấp sơ thẩm; tình hình việc xét kháng cáo trong trường hợp Viện kiểm sát rút quy định kháng nghị, bên kháng cáo rút kháng cáo hoặc đã có triệu tập phải mà vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc bị phiên họp mà không có Hội nghị xét xử nghị.

Quy định của Tòa án nhân dân tối cao là quy định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

Điều 57. Thi hành quy định trả ng tài

1. Sau thẩm phán ba ngày, kể từ ngày hết thẩm phán thi hành quy định trả ng tài, nếu một bên không tuân thủ hành, có thể không yêu cầu hu theo quy định Điều 50 của Pháp lệnh này, bên có thi hành quy định trả ng tài có quyền làm yêu cầu cơ quan thi hành án cấp tỉnh nơi có trụ sở, nơi cư trú hoặc nơi có tài sản của bên phải thi hành, thi hành quy định trả ng tài.

2. Trong trường hợp một trong các bên có yêu cầu Tòa án huỷ quy định thi hành tài thì quy định thi hành tài sẽ không có hiệu lực kể từ ngày quy định của Tòa án không huỷ quy định thi hành tài có hiệu lực.

3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền thi hành quy định thi hành tài theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

Điều 58. Lệ phí tòa án liên quan đến thi hành tài

Lệ phí và yêu cầu Tòa án chấp hành Thi hành tài viên, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, yêu cầu huỷ quy định thi hành tài, kháng cáo quy định của Tòa án và những lệ phí khác do Chính phủ quy định.

CHƯƠNG VII QUY ĐỊNH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ TRƯNG TÀI

Điều 59. Nội dung quy định về nhà nước và thi hành tài

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về thi hành tài.
2. Hướng dẫn thi hành các văn bản quy phạm pháp luật về thi hành tài.
3. Cấp, thu hồi giấy phép thành lập và giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Thi hành tài.
4. Tổ chức, hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ Thi hành tài viên; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thi hành tài.
5. Kiểm tra, giám sát khi vận hành, tổ chức và xử lý vi phạm pháp luật về thi hành tài.

Điều 60. Chức năng quy định về nhà nước và thi hành tài

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước và thi hành tài.
2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm trực tiếp Chính phủ thống nhất về quản lý nhà nước và thi hành tài.
3. Bộ Tài chính phối hợp với Hội Luật gia Việt Nam trong việc quản lý nhà nước và thi hành tài.

CHƯƠNG VIII HỘI ĐỒNG THI HÀNH

đ u 61. Áp d ng Pháp l nh i v i các t ch c tr ng tài c thành l p tr c ngày Pháp l nh này có hi u l c.

1. Các Trung tâm Tr ng tài c thành l p tr c ngày Pháp l nh này có hi u l c không ph i làm th t c thành l p l i. Các Trung tâm này ph i s a i, b sung i u l , Quy t c t t ng tr ng tài cho phù h p v i quy nh c a Pháp l nh này trong th i h n m i hai tháng, k t ngày Pháp l nh này có hi u l c. H t th i h n này mà các Trung tâm không s a i, b sung i u l và Quy t c t t ng thì ph i ch m d t ho t ng.

2. Các tho thu n tr ng tài c ký k t tr c ngày Pháp l nh này có hi u l c c th c hi n theo các quy nh c a pháp lu t có hi u l c t i th i i m ký tho thu n tr ng tài.

3. Các quy t nh tr ng tài c a các Trung tâm Tr ng tài c thành l p và ho t ng theo Ngh nh s 116/CP ngày 5 tháng 9 n m 1994 c a Chính ph , các quy t nh tr ng tài c a Trung tâm Tr ng tài qu c t Vi t Nam c thành l p và ho t ng theo Quy t nh s 204/TTg ngày 28 tháng 4 n m 1993 và Quy t nh s 114/TTg ngày 16 tháng 2 n m 1996 c a Th t ng Chính ph n u ch a thi hành thì c thi hành theo quy nh t i i u 6 và i u 57 c a Pháp l nh này.

đ u 62. Hi u l c thi hành

1. Pháp l nh này có hi u l c k t ngày 01 tháng 7 n m 2003.

2. Các v n b n quy ph m pháp lu t sau ây h t hi u l c k t ngày 01 tháng 7 n m 2003:

a) Ngh nh s 116/CP ngày 5 tháng 9 n m 1994 c a Chính ph v t ch c và ho t ng c a Tr ng tài kinh t ;

b) Quy t nh s 204/TTg ngày 28 tháng 4 n m 1993 c a Th t ng Chính ph v t ch c Trung tâm Tr ng tài qu c t Vi t Nam;

c) Quy t nh s 114/TTg ngày 16 tháng 2 n m 1996 c a Th t ng Chính ph v m r ng th m quy n gi i quy t các tranh ch p c a Trung tâm Tr ng tài qu c t Vi t Nam.

đ u 63. i u kho n thi hành

Chính ph , Toà án nhân dân t i cao, Vi n ki m sát nhân dân t i cao trong ph m vi nhi m v , quy n h n c a mình quy nh chi ti t và h ng d n thi hành Pháp l nh này.